

Bản án số: 161/2019/ HS-ST
Ngày 25 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hưng
2. Bà Dương Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 166/2019/HSST, ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/ 2019/ HSST- QĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

1. Đào Xuân N, sinh năm 1999.

- Nơi thường trú: Tổ 2, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

- Con ông Đào Xuân H, sinh năm 1972; con bà Vũ Thị T, sinh năm 1974. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ Nh trong gia đình, chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến nay (có mặt tại phiên tòa)

2. Đỗ Văn T, sinh năm 1996

- Nơi thường trú: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

- Con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1972; con bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1976; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ Nh trong gia đình, chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2019 đến nay (có mặt tại phiên tòa)

3. Ngô Đức L, sinh năm 1986.

- Nơi thường trú: Tổ 30, phường Trung T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 10/12.

- Con ông Ngô Văn C, sinh năm 1960; con bà Đào Thị Đ, sinh năm 1961; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, có vợ là Đỗ Thùy D, sinh năm 1984 (Đã ly hôn). Có 01 con sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 02/3/2001, Công an phường Trung T xử phạt hành chính – Phạt tiền 20.000 đồng về hành vi “Đánh nhau gây mất trật tự”. Đã nộp tiền ngày 06/3/2001.

Bị cáo Ngô Đức L không bị tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 2002

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970(Bố đẻ bị hại)

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970.

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Lù A G, sinh năm 1999

Trú tại: Bản N, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Trần Khánh H, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 4, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Đào Xuân H, sinh năm 1972 (bố đẻ bị cáo Nh)

Trú tại: Tổ 2, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1962

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

3. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1998

Trú tại: Tổ 21, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Dương Văn Q, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm Xúm, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

5. Dương Văn T, sinh năm 1985

Trú tại: Xóm X, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

6. Chị Lê Thị T, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Thị Ánh T nhiều lần vay tiền của Đào Xuân N. Theo Đào Xuân N khai Tuyết đã trả 20.000.000 đồng còn lại số tiền 5.000.000 đồng nên Đào Xuân N yêu cầu Tuyết phải trả thêm 5.000.000 đồng là tiền công đi lại. Đào Xuân N đã nhiều lần đòi nhưng Tuyết không trả. Khoảng 14 giờ ngày 23/5/2019, Đào Xuân N ngồi uống bia cùng Đỗ Văn T ở khu vực Gang Thép, Thái Nguyên thì Đào Xuân N đã rủ Th cùng đi xuống huyện P để tìm Tuyết đòi nợ, nếu Tuyết không trả thì không chế đưa Tuyết về thành phố T rồi gọi người

nhà của Tuyết mang tiền lên trả thì mới cho Tuyết về, Th đồng ý. Sau đó Đào Xuân N gọi điện thoại cho Ngô Đức L (là anh họ của Đào Xuân N) rủ L đi cùng, L đồng ý và gọi điện thoại nhờ Nguyễn Quang Trường đi. Sau đó, Th điều khiển xe nhãn hiệu Honda SH màu đen BKS 20B1- 631.37 chở Đào Xuân N, còn Trường điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exxciter màu xanh trắng BKS 220B1- 563.91 của L chở L ngồi phía sau cùng đi xuống huyện P. Khi đi đến khu vực xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì cả nhóm vào quán bia của nhà anh Nguyễn Xuân N ở gần ngõ vào nhà chị Tuyết để đợi. Khoảng 10 phút sau, Nh phát hiện thấy chị Tuyết điều khiển xe mô tô đi từ trong ngõ nhà Tuyết đi ra ngoài quốc lộ 37 qua chỗ nhóm của Nh ngồi. Thấy vậy, Đào Xuân N bảo Th điều khiển xe mô tô chở Đào Xuân N đuổi theo, thấy chị Tuyết đi vào quán tạp hóa của bà Đặng Thị T ở xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên Nh xuống xe đứng ngoài đợi. Khi chị Tuyết đi ra ngoài thì Đào Xuân N lao vào tóm tóc và dùng tay tát vào mặt Tuyết nhiều cái, kéo Tuyết lên xe mô tô, nhưng Tuyết giằng ra và cầm tay vào xe mô tô của Tuyết nên xe bị đổ. Thấy một mình không thể khống chế được Tuyết nên Đào Xuân N nói với Th là “Gọi L đi”. Cùng lúc này T điều khiển xe chở L đi đến, L thấy Đào Xuân N đang giằng co với Tuyết nên xuống xe và cùng Nh kéo L lên xe do Th điều khiển rồi L ngồi phía sau Tuyết để Tuyết khỏi nhảy xuống, Đào Xuân N ngồi sau xe do T điều khiển rồi cả nhóm cùng đi về quán bia của Trần Khánh H, sinh năm 1983; Trú quán: tổ 22, phường Phú Xá, thành phố T (Hòa là bạn của Đào Xuân N). Tại đây, Nh, Th, L đưa Tuyết vào phòng ngủ của nhân viên ở tầng 1 của quán rồi bắt Tuyết ngồi xuống đệm trong phòng, Nh hỏi Tuyết về việc không trả tiền và dùng tay tát vào mặt Tuyết, L và Th ngồi ở hai bên Tuyết và nói “*Cho nó mượn điện thoại để nó gọi bố nó mang tiền lên trả*”. Do điện thoại của Th hết tiền, nên L bảo Th đi mượn điện thoại. Th ra ngoài và mượn điện thoại Lù A G (là nhân viên của quán) mang vào đưa cho đưa cho Tuyết, đồng thời L nói với chị Tuyết “*Nợ tiền các anh thì gọi về cho bố mang tiền lên trả các anh, bảo bố đi thì đi một mình thôi*”. Lúc này, chị Tuyết dùng điện thoại gọi cho bố để là ông Nguyễn Văn H và nói với ông H là mang số tiền 10.000.000 đồng lên trả cho Nh để Nh thả Tuyết về. Sau đó, Nh bắt Tuyết phải viết giấy nhận số tiền 10.000.000 đồng để xin việc cho Nh tại công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên và một giấy mượn xe SH của Nh.

Sau khi biết chị Tuyết bị nhóm của Nh bắt cóc và yêu cầu phải trả tiền thì mới cho về, ông Hùng lo sợ nên đã chuẩn bị tiền để đưa cho nhóm của Nh, đồng

thời trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đề nghị giải quyết. Đến 23 giờ cùng ngày, Nh hẹn gặp ông Hùng ở quán cà phê Island thuộc tổ 14 phường Hương Sơn, thành phố T để ông Hùng đưa tiền cho Nh để chuộc chị Tuyết về. Khi ông Hùng đến quán thì Nh đã đưa chị Tuyết đến chờ tại đó, ông Hùng lấy số tiền 10.000.000 đồng đưa cho Nh. Trong khi Nh đang viết giấy biên nhận tiền thì bị tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm

+ Số tiền 10.000.000 đồng; 01 phong bì ghi chữ “23/5/2019 đã nhận đủ 10.000.000 đồng”; 01 bút bi màu đen; 01 bình loại bình xịt; 02 tờ giấy có dòng kẻ ngang Tuyết ghi nội dung xin việc và mượn xe, số tiền 540.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6S; 01 xe mô tô BKS 20M4- 6121 của Nh.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nh, Th, L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 174/CT-VKSPB, ngày 8/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L về tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 169 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử:

*** Tuyên bố:** bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L phạm tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Đào Xuân N từ 03 đến 04 năm tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 24 đến 36 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Ngô Đức L từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

*** Về hình phạt bổ sung:** Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Ghi nhận bị cáo L, Th đã tự nguyện bồi thường cho bị hại mỗi bị cáo 5.000.000đ.

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nh cho bị hại là 5.000.000đ.

*** Về vật chứng:**

- Trả lại ông Nguyễn Văn H 10.000.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J6 màu đen bạc, số imel 77044 máy cũ đã qua sử dụng.

- Tạm giữ 540.000đ; 01 điện thoại Iphone 6s màu đen bạc số imel 19048 máy đã cũ của Đào Xuân N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh trắng, BKS 20B1- 56391, xe không có gương chiếu hậu cả hai bên, số máy 55P1424973, số khung RLCE55P10EY424974, năm sản xuất 2014, xe đã cũ và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 007523 của Ngô Đức L; 01 điện thoại di động OPPO màu vàng hồng số imel 58718 bị vỡ kính phần loa trên góc màn hình.. theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen cũ seri 87988 theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 thu giữ của bị cáo Th để đảm bảo công tác Thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình hình trụ màu tròn xanh có chữ NATO; 01 bút bi màu đen ghi chữ TL029 Ball Point Pen đã qua sử dụng; 01 bút bi mực xanh nhãn hiệu Matixs đã qua sử dụng; 01 quyển vở học sinh KOKOYO đã bị rách;

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đã đúng như nội dung cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án..

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn vay nợ tiền giữa Đào Xuân N và Nguyễn Thị Ánh T. Ngày 23/5/2019 tại xóm Trại, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đào Xuân N, Đỗ Văn T và Ngô Đức L đã thực hiện hành vi bắt cóc Nguyễn Thị Ánh T đưa đến khu vực tổ 14 phường Hương Sơn, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đồng thời gọi điện yêu cầu bố của chị Tuyết là ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền 10.000.000 đồng rồi mới cho chị Tuyết về. Khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày, ông Hùng đã đem số tiền 10.000.000 đồng đến đưa cho Nh. Trong khi Nh nhận tiền và viết giấy biên nhận thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L có đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 169 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của Điều 169 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền tự do về thân thể và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo Nh, L, Th đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

+ Bị cáo Ngô Đức L, bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

+ Tại phiên tòa bị hại chấp nhận lời xin lỗi của các bị cáo, bị hại và đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo Nh, Th, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo Đào Xuân N có bà nội là Đoàn Thị Cam, bị cáo Ngô Đức L có bà ngoại là Đoàn Thị Cam được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo Ngô Đức L năm 2006 được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến, cho nên bị cáo Nh và L còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ mới đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận việc các bị cáo Đỗ Văn T, Ngô Đức L đã bồi thường cho bị hại mỗi bị cáo là 5.000.000đ

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Đào Xuân N là 5.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại ông Nguyễn Văn H 10.000.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J6 màu đen bạc, số imel 77044 máy cũ đã qua sử dụng.

- Số tiền 540.000đ; 01 điện thoại Iphone 6s màu đen bạc số imel 19048 máy đã cũ của Đào Xuân N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh trắng, BKS 20B1- 56391, xe không có gương chiếu hậu cả hai bên, số máy 55P1424973, số khung RLCE55P10EY424974, năm sản xuất 2014, xe đã cũ và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 007523 của Ngô Đức L; 01 điện thoại di động OPPO màu vàng hồng số imel 58718 bị vỡ kính phần loa trên góc màn hình.. theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen cũ seri 87988 theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 thu giữ của bị cáo Th, xét không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo để quản lý sử dụng, tuy nhiên các bị cáo còn phải nộp 01 khoản tiền phạt và án phí nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác Thi hành án.

- 01 bình hình trụ màu tròn xanh có chữ NATO; 01 bút bi màu đen ghi chữ TL029 Ball Point Pen đã qua sử dụng; 01 bút bi mực xanh nhãn hiệu Matixs đã qua sử dụng; 01 quyển vở học sinh KOKOYO đã bị rách; Xét thấy đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

[9] Xét lời thỉnh cầu của bị cáo Ngô Đức L thấy rằng: Bị cáo Ngô Đức L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa đại diện của bị hại xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bà ngoại được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, bản thân bị cáo được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến nên được hưởng thêm 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS; Mặc dù bị cáo đã có 01 lần bị xử phạt hành chính vào năm 2001 nhưng đã được xóa tiền sự, HĐXX xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng quy định ở Điều 52 BLHS và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại Nghị Quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của HĐTPTANDTC. Bị cáo L có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy HĐXX thấy không cần phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội mà vẫn có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[10] Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[12] Liên quan trong vụ án này có Nguyễn Quang Trường điều khiển xe mô tô chở L đi xuống huyện P cùng với Nh và Th. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định khi đi Nh, Th, L không nói mục đích chính cho Trường biết, Trường không được bàn bạc, bản thân Trường không thực hiện hành vi tham gia vào việc bắt giữ chị Tuyết; Lù A G đã cho Th mượn điện thoại của mình đưa cho Nh để đưa cho Tuyết gọi về cho ông Nguyễn Văn H để yêu cầu ông Hùng đem tiền đến đưa cho Nh; Sau khi bắt cóc được chị Tuyết thì nhóm của Nh đưa chị Tuyết đến quán của Trần Khánh H. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định: Lù A G và Trần Khánh H không được bàn bạc và không biết được mục đích của của Đào Xuân N, Đỗ Văn T và Ngô Đức L nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave màu đỏ BKS 20M4- 6121 Nh điều khiển (Nh khai mượn của Trần Khánh H) Cơ quan điều tra chưa làm việc được chủ sở hữu là ông Trần Đức Sơn, sinh năm 1961 có địa chỉ ở tổ 4, phường G, thành phố Thai Nguyên, nên tách ra xử lý sau.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L phạm tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt **Đào Xuân N 03 (ba.)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2019.

Phạt bị cáo **Đào Xuân N** 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt **Đỗ Văn T** 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2019.

Phạt bị cáo **Đỗ Văn T** 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt **Ngô Đức L** 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/11/2019)

Giao bị cáo **Ngô Đức L** cho Ủy ban nhân dân phường Trung T, thành phố T, tỉnh Thái nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo **Ngô Đức L** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo **Ngô Đức L** phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo **Ngô Đức L** 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

5. Về bắt tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận việc các bị cáo Đỗ Văn T, Ngô Đức L đã bồi thường cho bị hại mỗi bị cáo là 5.000.000đ

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Đào Xuân N là 5.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo Đào Xuân N không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận việc anh Lù A G đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng, số IMEL 65380 đã qua sử dụng.

- Trả lại ông Nguyễn Văn H 10.000.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J6 màu đen bạc, số imel 77044 máy cũ đã qua sử dụng.

- Tạm giữ 540.000đ; 01 điện thoại Iphone 6s màu đen bạc số imel 19048 máy đã cũ của Đào Xuân N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh trắng, BKS 20B1- 56391, xe không có gương chiếu hậu cả hai bên, số máy 55P1424973, số khung RLCE55P10EY424974, năm sản xuất 2014, xe đã cũ và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 007523 của Ngô Đức L; 01 điện thoại di động OPPO màu vàng hồng số imel 58718 bị vỡ kính phần loa trên góc màn hình.. theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen cũ seri 87988 theo biên bản niêm phong ngày 12/10/2019 thu giữ của bị cáo Th để đảm bảo công tác Thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình hình trụ màu tròn xanh có chữ NATO; 01 bút bi màu đen ghi chữ TL029 Ball Point Pen đã qua sử dụng; 01 bút bi mực xanh nhãn hiệu Matixs đã qua sử dụng; 01 quyển vở học sinh KOKOYO đã bị rách;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2019 và Ủy nhiệm chi số 281 ngày 20/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo **Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST; Bị cáo Đào Xuân N phải chịu 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

9. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L; bị hại chị Nguyễn Thị Ánh T, người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Văn H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Đào Xuân H; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên anh Lù A G, anh Trần Khánh H, báo cho Đào Xuân N, Đỗ Văn T, Ngô Đức L; bị hại chị Nguyễn Thị Ánh T, người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Văn H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H,

ông Đào Xuân H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lù A G, anh Trần Khánh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý